

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

Số: 37/2017/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B, ngày 15 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị Ch**, sinh năm 1987.

- **Bị đơn:** Anh **Triệu Đức D**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn Th, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Ch, sinh năm 1987 và anh Triệu Đức D, sinh năm 1979.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Ch và anh Triệu Đức D thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Hai bên đương sự nhất trí thỏa thuận giao con chung tên là Triệu Thị X, sinh ngày 11/3/2009 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Giao con chung tên là Triệu Tấn S, sinh ngày 07/10/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi (*Các con khỏe mạnh phát triển bình thường*).

Sau khi ly hôn anh D và chị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Hai bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí*: Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Ch tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Ch đã nộp theo biên lai số 08819, ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Ch được trả lại số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh D không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bắc Kạn (01b)
- VKSND huyện B (02b);
- Chi cục THA huyện B(01b);
- Đương sự (02b);
- UBND xã C(01b);
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Triệu Thị Huyền

